

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26/02/2021
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia
đình "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ khắc Nghĩa.
- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký
Tòa án nhân dân Huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia
phiên tòa:** Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện N, tỉnh Ninh Bình mở
phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
248/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
08/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 20/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số
09/2021/QĐHPT ngày 05/02/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Hà Quốc H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị A vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Anh H, vắng mặt đã triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2020 và bản tự khai ngày 05/11/2020 chị A
trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị A kết hôn với anh H vào ngày 11/02/2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện N trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống cùng với bố mẹ anh H tại Đội 4- Thôn T, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Từ khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm đến vợ con và có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Đến tháng 3/2020 thì vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ngày càng sâu sắc, không có khả năng hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Vợ chồng chị A có 01 con chung là cháu Hà Đức D, sinh ngày 18/3/2019, hiện đang ở với chị A.

Nếu ly hôn chị xin nuôi cháu D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng từ 3 triệu đến 5 triệu đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 14/12/2020 của bà Trần Thị L là mẹ đẻ anh H ở thôn T, xã G, huyện N, bà L trình bày: Gia đình bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thôn báo về việc chị A xin ly hôn với H, gia đình đã thông báo cho anh H biết và nói vợ chồng không ở được với nhau thì về mà giải quyết ly hôn.

Anh H nói với bà L xác định đã biết việc chị A xin ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng diễn ra đã lâu và Tòa án đã thông báo cho anh H về Tòa án nhân dân huyện N để làm việc, tuy nhiên vì bận công việc nên không về được, anh H hiện đang làm nghề cắt tóc ở Hà Nội. Khoảng 1, 2 tháng mới về nhà 1 lần. Anh H có thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án thông qua bà L như sau:

Về tình cảm: Bà L xác nhận anh H nhất trí ly hôn với chị A;

Về con chung của chị A và anh H: Đúng như chị A trình bày, nếu ly hôn anh H cũng nhất trí để chị A nuôi con chung vì cháu còn nhỏ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Thỉnh thoảng anh H vẫn gửi tiền về nuôi con nhưng bà không nắm được thu nhập của anh H là bao nhiêu vì anh H không nói với bà.

Về tài sản chung và công nợ chung bà không nắm được chị A và anh H có tài sản chung và công nợ chung như thế nào.

Bà L đề nghị các văn bản giấy tờ gửi cho anh H thì Tòa án gửi cho gia đình bà, bà sẽ có trách nhiệm gửi và thông báo lại cho anh H.

Tại biên bản không hòa giải được ngày 20/01/2021: Chị A đề nghị Tòa án

xét xử vắng mặt chị. Ý kiến của chị như sau:

Về tình cảm: Chị A kiên quyết xin ly hôn với anh Hà Quốc H vì mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, không còn khả năng hàn gắn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị xin được nuôi con chung là cháu Hà Đức D, sinh ngày 18/3/2019 (hiện nay đang ở với chị A) và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/ 1 tháng, kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: Chị tự nguyện nộp cả án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Các Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83; 110; 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc A.

Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc A và anh Hà Quốc H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hà Đức D, sinh ngày 18/3/2019, hiện đang ở với chị A cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A mỗi tháng từ 1000.000đ đến 1.500.000đ triệu đồng kể từ tháng 02 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Phạm Thị Ngọc A và anh Hà Quốc H. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị A, Tòa án nhân dân Huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị A chấp hành đầy đủ. Anh H không chấp hành. Đến ngày 20/01/2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Từ lời khai của chị A và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã UBND xã G và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Hà Quốc H kết hôn với nhau vào ngày 11/02/2019 đăng ký tại UBND xã G huyện N, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân tự nguyện. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, là do bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra việc cãi chửi nhau nhiều lần. Khi chị A làm đơn xin ly hôn anh H đã biết, nhưng anh vẫn cố tình bỏ đi làm. Từ thực tế chị A và anh H từ khi sống ly thân từ tháng 3/2020, hai người cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đây là bằng chứng, xác định tình cảm vợ chồng chị A và anh H không còn khả năng đoàn tụ, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử lý hôn giữa chị A và anh H là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế hiện nay chị A là người không vi phạm pháp luật, chị A hiện nay đang là nhân viên của Trung tâm chăm sóc sắc đẹp Spa Phương Phương có thu nhập bình quân là 7.000.000 đồng/ 1 tháng, cháu D hiện nay còn nhỏ, cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Đối với anh H hay đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nên không thể có điều kiện chăm sóc con chung tốt như chị A được. Vì vậy cần giao con chung là cháu Hà Đức D, sinh ngày 18/3/2019 cho chị A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H hiện nay đang làm nghề thợ cắt tóc, có công việc và thu nhập ổn định. Do vậy cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian tính từ tháng 3/2021 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị A xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này anh H có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Chị A tự nguyện nhận nộp cả theo quy định của pháp luật, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị A.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83; 110; 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc A và anh Hà Quốc H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hà Đức D, sinh ngày 18/3/2019 (hiện đang ở cùng với chị A) cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị A mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian tính từ tháng 3/2021 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con chung, thì hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí :

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0000662 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện N.

Án phí cấp dưỡng: Chị A nhận nộp thay cho anh H là 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, chị A và anh H quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Huyện N
- THADS Huyện N
- UBND xã G.
- Dương sự
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Minh Lực

